|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  Số: **572/**2022/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nam Từ Liêm, ngày 30 tháng 11 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƢƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 557/2022/TLST-việcHNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:*

1. **Anh Trần Hữu H; Sinh năm: 1986;** Địa chỉ: Số 19, ngõ 6/177/17 đường Do Nha, tổ dân phố số 2, MN, phường TM, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
2. **Chị Phạm Thị N; Sinh năm: 1988;** Địa chỉ: Số 43, ngõ 40, phố Do Nha, tổ dân phố số 4, MN, phường TM, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về hôn nhân: Anh Trần Hữu H và chị Phạm Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 15/4/2022 tại UBND phường TM, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội *(GCN kết hôn số: 41/2022).* Quá trình chung sống được 1 thời gian ngắn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng với nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc. Anh H và chị N đã nhiều lần hòa giải và tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vơ chồng không thể hàn gắn được. Anh H và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Anh H và chị N không có con chung.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về lệ phí Tòa án: Chị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

*Xét thấy:* Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 11 năm 2022, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. **Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đƣơng sự cụ thể nhƣ sau**:
   1. **Về hôn nhân**: Anh Trần Hữu H và chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.
   2. **Về con chung:** Không có.
   3. **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh H và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. **Về lệ phí**: Chị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận chị N đã nộp 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí sơ thẩm *(Biên lai số 0034843, ngày 21/11/2022)* tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, nay chuyển thành lệ phí. Chị N đã nộp đủ lệ phí.
3. **Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đƣợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm**.

***Nơi nhận*: THẨM PHÁN**

* Các đương sự;
* VKSND Q.Nam Từ Liêm;
* Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
* UBND P.TM, Q.Nam

Từ Liêm, TP Hà Nội;

* Lưu HS, VP. **Đỗ Thị Lệ Thủy**